TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06-3-2025
Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa và bà Đoàn Thị Huệ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Trúc Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Danh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc *"Ly hôn và nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/02/2025, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Chúc L, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp H, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Anh Võ Văn H, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp H, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Chị L có mặt, anh H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị L trình bày: Anh H và chị L cưới nhau năm 1995, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Anh chị có 03 người con chung là Võ Thị Thúy N, sinh ngày 26/3/1996, Võ Vũ H1, sinh ngày 27/10/2005 và Võ Đăng D, sinh ngày 06/4/2013. Hiện nay Thúy N và Vũ H1 đã trưởng thành và sống chung với anh H;

Đăng D đang sống chung với chị L. Trong quá trình chung sống, gia đình gặp khó khăn nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, Tuy vậy, chị L đã cố gắng nhẫn nhịn để nuôi các con khôn lớn; nhưng anh H không sửa chữa, thường xuyên ăn nhậu về quậy vợ con; không chịu đựng được nữa nên anh chị ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi Võ Đăng D. Không yêu cầu cấp dưỡng. Không tranh chấp về tài sản.

[2]- Bị đơn là anh H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/02/2025 và đơn xin xét xử vắng mặt anh H thể hiện ý kiến: Thống nhất ý kiến của chị L, thống nhất ly hôn và giao con là Đăng D cho chị L nuôi dưỡng. Không yêu cầu gì khác.

[3]- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và chị L chấp hành nội quy phiên tòa. Anh H có đơn xin vắng mặt phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H và chị L sống chung từ năm 1995 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận anh chị là vợ chồng. Đề nghị giao Đăng D1 cho chị L nuôi dưỡng. Không ai yêu cầu gì khác nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị L và anh H không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu giải quyết ly hôn nên Tòa án thụ lý vụ án giải quyết theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh H có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] Năm 1995 chị L và anh H sống chung như vợ chồng cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với anh H và chị L. Theo đó, chị L và anh H không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị xác định có 03 người con chung là Võ Thị Thúy N, sinh ngày 26/3/1996, Võ Vũ H1, sinh ngày 27/10/2005 và Võ Đăng D, sinh ngày

06/4/2013. Hiện nay, Thúy N và Vũ H1 đã trưởng thành, không ai yêu cầu gì nên không xét; Đăng D đang sống với chị L và có nguyện vọng tiếp tục sống với chị L, anh H thống nhất nguyện vọng của Đ. Xét thấy, hiện tại chị L đủ điều kiện và đảm bảo nuôi dạy con nên Hội đồng xét xử thống nhất giao Đăng Dương cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng: Không ai yêu cầu nên không xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thành vụ án khác.

[6] Án phí sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, chị L phải chịu án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa chị Trần Thị Chúc L và anh Võ Văn H.

2. Về con chung: Giao Võ Đăng D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp người đang trực tiếp nuôi con vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Chúc L chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005306 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

4- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận